| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHỔ YÊN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST**
**Ngày: 21/5/2025**
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Âu Văn Hồ

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 259/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị C, sinh năm 1989

HKTT: Xóm X.H 1, xã T.C, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tòa I2 I, T.M, quận N, thành phố Hà Nội (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm X.H 1, xã T.C, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 3 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã T.C, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan

điểm sống, anh T ngoại tình và có bạo lực dẫn đến thường xuyên xung đột, đến nay không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân hơn bốn năm nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Nhã U, (sinh ngày 05/7/2016, giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Xuân P (sinh ngày 07/3/2019, giới tính: Nam). Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/hai cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị C có đơn rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn T*:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T tại nơi cư trú xóm X.H 1, xã T.C, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nhưng anh T không hợp tác và vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh T theo quy định.

**Phần tranh luận:**

Nguyên đơn: Chị C vẫn giữa nguyên yêu cầu ly hôn anh T. Về con chung, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt nên không tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật; Xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách đương sự, việc thu thập chứng cứ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án.

Đối với người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn nhưng đã được tống đạt hợp lệ, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Nhã U (sinh ngày 05/7/2016, giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Xuân P (sinh ngày 07/3/2019, giới tính: Nam) đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền đi lại nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không bị cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Trần Thị C và bị đơn anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm X.H 1, xã T.C, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

[2] **Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 3 năm 2016 tại Uỷ ban nhân dân xã T.C, thị xã Phổ Yên (nay là thành phố Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, anh T ngoại tình và có bạo lực dẫn đến thường xuyên xung đột, đến nay không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã sống ly thân hơn bốn năm nay.

Đối với anh Nguyễn Văn T quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn T vẫn cư trú tại xóm X.H 1, xã T.C, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh T nhưng anh T không hợp tác,

không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C và vắng mặt không có lý do trong quá trình tiến hành tố tụng.

Hội đồng xét xử xét thấy nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ, có đủ cơ sở để nhận định tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Trần Thị C ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Nhã U (sinh ngày 05/7/2016, giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Xuân P (sinh ngày 07/3/2019, giới tính: Nam). Hiện nay, hai con chung đang ở cùng ông bà nội. Khi ly hôn chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ/hai cháu đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị C rút yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy để đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em sau khi ly hôn, không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, phù hợp nguyện vọng của cháu Uyên mong muốn ở với mẹ. Chị C có nơi ở ổn định, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng nên cần giao cháu Nguyễn Nhã U và cháu Nguyễn Xuân P cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn là chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên,***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị C đối với anh Nguyễn Văn T. Cho chị Trần Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung:

Giao cho chị Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Nhã U (sinh ngày 05/7/2016, giới tính: Nữ) và cháu Nguyễn Xuân P (sinh ngày 07/3/20191, giới tính: Nam) đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền đi lại nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung không bị cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trần Thị C phải chịu 300.000. đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001973 ngày 13 tháng 11 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án theo quy định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà**

**Âu Văn Hồ**

***Nơi nhận:***
- TAND Tỉnh TN;
- VKSND TP Phổ Yên;
- Chi cục THATP Phổ Yên;
- UBND xã T.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.